

BỘ TƯ LỆNH TP HỒ CHÍ MINH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
PHƯỜNG TÂN SƠN NHẤT

Số: 183 /HD-BCH

Tân Sơn Nhất, ngày 23 tháng 4 năm 2026

TRƯỞNG CAO ĐẲNG LÝ TƯ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 596
ĐẾN Ngày: 06/7/2026
Chuyển: cơ quan, tổ chức; tổ chức huấn luyện, hoạt động của lực lượng Tự vệ
Lưu hồ sơ số:

HƯỚNG DẪN

Kg: Ths Ycs PTP HCM

[Signature]

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ số 43/2009/QH12 năm 2009; Luật số 98/2025/QH15 về sửa, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 16/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 220/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của một số Nghị định trong lĩnh vực quốc phòng, quân sự khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Thông tư số 83/2025/TT-BQP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực công tác quốc phòng, Dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BQP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về phân định thẩm quyền trong lĩnh vực Dân quân tự vệ khi tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;

Căn cứ Hướng dẫn số 1190/HD-BTL ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh về công tác kiện toàn, tổ chức lực lượng Dân quân tự vệ; bảo đảm chế độ, chính sách cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cấp xã, phường, đặc khu và lực lượng Dân quân sau sáp nhập.

Ban Chỉ huy Quân sự phường Tân Sơn Nhất hướng dẫn thành lập đơn vị Tự vệ, thành lập Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, tổ chức; tổ chức huấn luyện, hoạt động của lực lượng Tự vệ như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng áp dụng

Theo Điều 2 của Luật Dân quân tự vệ.

- Công dân Việt Nam; cơ quan, tổ chức của Việt Nam.
- Tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú và hoạt động trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Dân quân tự vệ.

2. Vị trí, chức năng của Dân quân tự vệ: Theo Điều 3 của Luật Dân quân tự vệ

Dân quân tự vệ là lực lượng vũ trang quần chúng không thoát ly sản xuất, công tác; là thành phần của lực lượng vũ trang nhân dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam; là lực lượng bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân, tài sản của Nhà nước, làm nòng cốt cùng toàn dân đánh giặc ở địa phương, cơ sở khi có chiến tranh.

Lưu ý: *Lực lượng này được tổ chức ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) gọi là Dân quân; được tổ chức ở cơ quan của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức) gọi là Tự vệ. Theo khoản 1 Điều 2 Luật Dân quân tự vệ.*

3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động: Theo Điều 4 của Luật Dân quân tự vệ

1. Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự quản lý thống nhất của Chính phủ, trực tiếp là sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, người đứng đầu cơ quan, tổ chức; sự chỉ huy cao nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; sự chỉ huy của Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, người chỉ huy đơn vị quân đội.

2. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; dựa vào dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc và hệ thống chính trị để thực hiện nhiệm vụ.

3. Xây dựng Dân quân tự vệ vững mạnh và rộng khắp; tổ chức, biên chế của Dân quân tự vệ phải đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, gắn với địa bàn và nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, tổ chức; thuận tiện cho lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ huy, quản lý và phù hợp với tình hình, điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương, cơ quan, tổ chức.

4. Nhiệm vụ của dân quân tự vệ: Theo Điều 5 của Luật Dân quân tự vệ

1. Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu và phục vụ chiến đấu bảo vệ địa phương, cơ sở, cơ quan, tổ chức.

2. Phối hợp với các đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và lực lượng khác trên địa bàn bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, hải đảo, vùng biển, vùng trời Việt Nam; tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, khu vực phòng thủ, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện nhiệm vụ huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập.

4. Tham gia thực hiện các biện pháp về chiến tranh thông tin, chiến tranh không gian mạng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh, cháy, nổ; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; bảo vệ môi trường và nhiệm vụ phòng thủ dân sự khác theo quy định của pháp luật.

6. Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh; tham gia xây dựng địa phương, cơ sở vững mạnh toàn diện, thực hiện chính sách xã hội.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Tiêu chuẩn tuyển chọn: Theo khoản 1 Điều 10 của Luật Dân quân tự vệ

- a) Lý lịch rõ ràng;
- b) Chấp hành nghiêm đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- c) Đủ sức khỏe thực hiện nhiệm vụ của Dân quân tự vệ.

6. Độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ trong thời bình: Theo Điều 8 của Luật Dân quân tự vệ

1. Công dân nam từ đủ 18 tuổi đến hết 45 tuổi, công dân nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi có nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; nếu tình nguyện tham gia Dân quân tự vệ thì có thể kéo dài đến hết 50 tuổi đối với nam, đến hết 45 tuổi đối với nữ.

2. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ tại chỗ, Dân quân tự vệ cơ động, Dân quân tự vệ biển, Dân quân tự vệ phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế là 04 năm; dân quân thường trực là 02 năm.

Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của địa phương, cơ quan, tổ chức, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ được kéo dài nhưng không quá 02 năm; đối với dân quân biển, tự vệ và chỉ huy đơn vị Dân quân tự vệ được kéo dài hơn nhưng không quá độ tuổi quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định kéo dài độ tuổi, thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quy định tại Điều này.

7. Đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, quản lý Dân quân tự vệ: Theo Điều 9 của Luật Dân quân tự vệ

1. Việc đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ được quy định như sau:

a) Tháng 4 hằng năm, căn cứ kết quả đăng ký nghĩa vụ quân sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách nhiệm đăng ký cho công dân đủ 18 tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ; tổ chức đăng ký bổ sung cho công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ;

b) Công dân trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ khi thay đổi nơi cư trú đến đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm đăng ký cho công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ. Trường hợp thay đổi nơi làm việc thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức có trách

nhiệm đăng ký cho công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ;

c) Người khuyết tật, người mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh tâm thần theo quy định của pháp luật được miễn đăng ký nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.

2. Việc quản lý Dân quân tự vệ được quy định như sau:

a) Dân quân tự vệ khi vắng mặt trong thời gian thực hiện nhiệm vụ phải báo cáo với người chỉ huy trực tiếp để xem xét, quyết định;

b) Dân quân tự vệ tạm vắng trong thời gian từ 03 tháng trở lên phải báo cáo với Ban chỉ huy quân sự cấp xã nơi cư trú, Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức hoặc người chỉ huy đơn vị tự vệ nơi không có Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức.

II. ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP VÀ NHIỆM VỤ CỦA BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ CƠ QUAN, TỔ CHỨC

1. Điều kiện thành lập đơn vị Tự vệ và Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: Theo Điều 17 của Luật Dân quân tự vệ.

a) Điều kiện thành lập đơn vị Tự vệ

- Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, sự quản lý của Ủy ban nhân dân các cấp và sự chỉ huy của cơ quan quân sự địa phương cấp tỉnh;

- Theo yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đề án, kế hoạch tổ chức Dân quân tự vệ của địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động và phù hợp với tổ chức sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

- Đã hoạt động từ đủ 24 tháng trở lên;

- Có số lượng người lao động đủ tiêu chuẩn tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ để tổ chức ít nhất 01 tiểu đội tự vệ.

b) Điều kiện thành lập Ban Chỉ huy quân sự: Theo khoản 1 Điều 21 của Luật Dân quân tự vệ

- Có tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Có đơn vị tự vệ của cơ quan, tổ chức.

d) Thành phần Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: Theo khoản 2 Điều 21 của Luật Dân quân tự vệ

Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, thành phần gồm Chỉ huy trưởng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, Chính trị viên là Bí thư hoặc Phó Bí thư cấp ủy cùng cấp, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó.

2. Thứ tự các bước thành lập đơn vị Tự vệ và Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức

Bước 1. Ban Chỉ huy quân sự phường phối hợp với lãnh đạo cơ quan, tổ chức khảo sát, nắm tình hình về tổ chức nhân sự. Cơ quan, tổ chức báo cáo danh sách cán bộ, người lao động còn trong độ tuổi nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ.

Bước 2. Ban Chỉ huy quân sự phường hướng dẫn lãnh đạo cơ quan, tổ chức,

doanh nghiệp hoàn chỉnh các thủ tục đề nghị Bộ Tư lệnh Thành phố, Ủy ban nhân dân phường xem xét cho ý kiến thành lập đơn vị Tự vệ và ra quyết định thành lập Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và bổ nhiệm cán bộ Ban Chỉ huy.

Bước 3. Hồ sơ đề nghị thành lập lực lượng Tự vệ và Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức gồm:

- Báo cáo khảo sát tình hình cơ quan đề nghị thành lập lực lượng Tự vệ.
- Quyết định của lãnh đạo cơ quan kết nạp vào lực lượng Tự vệ (có danh sách biên chế đơn vị Tự vệ).
- Công văn đề nghị ra quyết định thành lập cơ sở Tự vệ, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và bổ nhiệm cán bộ Tự vệ lãnh đạo cơ quan, tổ chức và người đứng đầu doanh nghiệp.

Bước 4. Tổ chức công bố quyết định thành lập ra mắt lực lượng Tự vệ và Ban Chỉ huy quân sự (nếu có) theo quy định của Luật Dân quân tự vệ. Sau khi có quyết định thành lập.

3. Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, tổ chức

a) Chỉ huy trưởng

Chủ trì thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 4 Điều 21 Luật Dân quân tự vệ, như sau:

- Tham mưu cho cấp ủy Đảng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo công tác quốc phòng;
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch công tác quốc phòng, công tác tự vệ và kế hoạch khác có liên quan đến nhiệm vụ quốc phòng, quân sự của cơ quan, tổ chức; phối hợp thực hiện chính sách hậu phương quân đội, chính sách ưu đãi người có công với cách mạng;
- Tổ chức huấn luyện quân sự, giáo dục chính trị, pháp luật, hội thi, hội thao, diễn tập cho tự vệ; chỉ huy tự vệ thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và quyết định của cấp có thẩm quyền;
- Đăng ký, quản lý, bảo quản và sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật của các đơn vị tự vệ thuộc quyền theo quy định của pháp luật;
- Tham mưu cho cấp ủy Đảng, người đứng đầu cơ quan, tổ chức kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng về công tác quốc phòng.

b) Chính trị viên

- Tham mưu, đề xuất với đảng ủy (chi bộ) cùng cấp quyết định chủ trương, biện pháp lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở cơ quan, tổ chức đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên. Xây dựng kế hoạch và trực tiếp tiến hành công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng tự vệ, dự bị động viên và nhiệm vụ quốc

phòng, quân sự ở cơ quan, tổ chức;

- Tiến hành công tác giáo dục chính trị, tư tưởng; xây dựng lực lượng tự vệ, dự bị động viên của cơ quan, tổ chức tuyệt đối trung thành với Đảng, Tổ quốc và Nhân dân có bản lĩnh chính trị vững vàng, sẵn sàng nhận và hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao; phối hợp thực hiện công tác giáo dục quốc phòng và an ninh; động viên cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, củng cố nền quốc phòng toàn dân;

- Xây dựng lực lượng nòng cốt chính trị, phát triển đảng viên, đoàn viên trong lực lượng tự vệ, dự bị động viên của cơ quan, tổ chức;

- Đề xuất việc xây dựng các chức vụ chỉ huy đơn vị tự vệ, đội ngũ cán bộ dự bị động viên đủ số lượng, có chất lượng cao, hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở cơ quan, tổ chức trong mọi tình huống; phối hợp với các đơn vị dự bị động viên nhận nguồn tại cơ quan, tổ chức để sắp xếp, quản lý và tổ chức bồi dưỡng sĩ quan dự bị;

- Tiến hành công tác bảo vệ chính trị nội bộ, xây dựng lực lượng tự vệ, dự bị động viên trong sạch về chính trị, an toàn về mọi mặt; tuyên truyền, giáo dục lực lượng tự vệ, dự bị động viên và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, góp phần giữ vững an ninh chính trị ở cơ quan, tổ chức;

- Hướng dẫn lực lượng tự vệ, dự bị động viên tiến hành công tác vận động quần chúng, tham gia thực hiện các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Quân đội và địa phương phát động, góp phần xây dựng cơ quan, tổ chức vững mạnh, xây dựng địa bàn an toàn;

- Tổ chức thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước đối với lực lượng tự vệ, dự bị động viên và chính sách hậu phương Quân đội; nghiên cứu, đề xuất với cấp trên hoàn thiện chế độ, chính sách đối với lực lượng Dân quân tự vệ, dự bị động viên, chính sách hậu phương Quân đội và nhiệm vụ quốc phòng, quân sự;

- Tiến hành công tác đảng, công tác chính trị trong xây dựng, huấn luyện, hoạt động của lực lượng tự vệ, dự bị động viên; chuẩn bị và gọi công dân nhập ngũ, thực hiện nhiệm vụ động viên; hoạt động bảo vệ cơ quan, tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự khác được cấp có thẩm quyền giao;

- Tiến hành sơ kết, tổng kết công tác đảng, công tác chính trị đối với lực lượng tự vệ, dự bị động viên trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự ở cơ quan, tổ chức.

c) Phó Chỉ huy trưởng

- Tham mưu, đề xuất với Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, tổ chức cùng cấp về kế hoạch, nội dung, biện pháp chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân công;

- Tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, báo cáo với Chỉ huy trưởng, Chính trị viên Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, tổ chức cùng cấp theo quy định.

d) Chính trị viên phó: Tham mưu, đề xuất và giúp Chính trị viên, Chỉ huy

trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, tổ chức cùng cấp lập kế hoạch công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện công tác quốc phòng, quân sự theo thẩm quyền.

III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG, HUẤN LUYỆN CỦA TỰ VỆ

1. Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở, chỉ huy đơn vị Tự vệ nơi không có Ban Chỉ huy Quân sự phải soạn thảo các văn kế hoạch hoạt động cơ bản sau

- Kế hoạch chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu.
- Kế hoạch mở rộng Tự vệ trong các trạng thái sẵn sàng chiến đấu.
- Kế hoạch chiến đấu bảo vệ cơ quan, tổ chức.
- Kế hoạch phối hợp hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, tổ chức, đơn vị Tự vệ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở cơ sở; bảo vệ và phòng chống cháy nổ và phòng thủ dân sự có liên quan.

- Kế hoạch hoạt động hàng năm.

2. Thời gian, nội dung huấn luyện Tự vệ

a) Thời gian:

- Đối với Tự vệ năm thứ 1 trở đi là 15 ngày/năm.
- Đối với Tự vệ năm thứ 2 trở đi là 07 ngày/năm.

b) Nội dung huấn luyện

- * Giáo dục chính trị, pháp luật
- Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương.
- Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.
- Đường lối, quan điểm, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.
- Quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.
- Một số nội dung cơ bản của pháp luật về: Nghĩa vụ quân sự, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh, dự bị động viên, động viên quốc phòng, biên giới quốc gia, an ninh quốc gia, biên phòng, phòng thủ dân sự và các văn bản liên quan.
- Kết hợp kinh tế với củng cố quốc phòng và an ninh trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- Tình hình kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.
- * Điều lệnh đội ngũ (từng người có súng, từng người không có súng)
- Nghiêm, nghỉ, quay tại chỗ, chào, thôi chào.
- Tiến, lùi, qua phải, qua trái, ngồi xuống, đứng dậy, bỏ mũ, đội mũ, đặt mũ.

- Đi đều, đứng lại, giậm chân, đổi chân trong khi đi.

* Đội ngũ đơn vị

- Đội hình Tiểu đội.

- Đội hình Trung đội.

* Kỹ thuật

- Binh khí và quy tắc bắn.

- Kỹ thuật bắn súng.

- Động tác bắn súng.

- Tập bắn bài 1 súng trường, tiểu liên.

- Giới thiệu một số loại lựu đạn.

- Động tác ném lựu đạn.

- Tập ném lựu đạn bài 1: Xa, trúng đích.

- Hiểu biết chung về thuốc nổ; một số phương tiện gây nổ.

- Chắp nối đồ dùng gây nổ thường.

- Gói buộc lựu nổ

IV. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI TỰ VỆ

1. Chế độ phụ cấp trách nhiệm quản lý chỉ huy đơn vị (theo Điều 16 Nghị định 03/2016/NĐ-CP ngày 05/01/2016 của Chính phủ)

Mức phụ cấp trách nhiệm quản lý, chỉ huy đơn vị Tự vệ được tính và chi trả theo tháng, bằng mức lương cơ sở nhân với hệ số quy định cụ thể như sau:

- Tiểu đội trưởng: 234.000 đồng.

- Trung đội trưởng: 280.800 đồng.

- Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: 514.800 đồng.

- Chính trị viên phó Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: 514.800 đồng.

- Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức: 561.600 đồng.

- Chính trị viên Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở: 561.600 đồng.

2. Chế độ chính sách đối với Tự vệ.

2. Trang phục, sao mũ, phù hiệu của Tự vệ

a) Đối với cán bộ Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức; Trung đội trưởng Tự vệ

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn sử dụng
1	Sao mũ cứng	Cái	01	3 năm
2	Sao mũ mềm	Cái	01	3 năm
3	Mũ cứng	Cái	01	3 năm

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Số lượng	Niên hạn sử dụng
4	Mũ mềm	Cái	01	3 năm
5	Dây lưng	Cái	01	3 năm
6	Bít tất	Đôi	02	1 năm
7	Quần, áo cán bộ nam, nữ	Bộ	01	1 năm
8	Giày da đen cán bộ nam	Đôi	01	2 năm
9	Giày da đen cán bộ nữ	Đôi	01	2 năm
10	Giày vải thấp cổ	Đôi	01	2 năm
11	Quần, áo đi mưa cán bộ	Bộ	01	3 năm

b) Đối với cán bộ Tiểu đội trưởng, khẩu đội trưởng, chiến sĩ Tự vệ

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Năm đầu	Niên hạn sử dụng
1	Sao mũ cứng	Cái	01	3 năm
2	Sao mũ mềm	Cái	01	3 năm
3	Mũ cứng	Cái	01	3 năm
4	Mũ mềm	Cái	01	3 năm
5	Quần áo chiến sĩ	Bộ	01	2 năm
6	Dây lưng	Cái	01	3 năm
7	Bít tất	Đôi	01	2 năm
8	Giày vải cao cổ	Đôi	01	2 năm
9	Áo mưa đi mưa	Cái	01	3 năm

3. Nguồn kinh phí chi cho Tự vệ

- Ngân sách nhà nước bảo đảm cho Dân quân tự vệ của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và địa phương. Việc lập, chấp hành và quyết toán ngân sách thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Kinh phí bảo đảm cho tự vệ của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập thực hiện nhiệm vụ chỉ quy định tại Điều 39 của Luật này được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc lập dự toán, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện theo chế độ kế toán tài chính áp dụng đối với các đơn vị.

Trên đây là Hướng dẫn thành lập đơn vị Tự vệ, thành lập Ban Chỉ huy Quân sự cơ quan, tổ chức; tổ chức huấn luyện, hoạt động của lực lượng Tự vệ của Ban Chỉ huy quân sự phường Tân Sơn Nhất./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, HĐND-UBND phường;
- Ban ngành, đoàn thể phường;
- Các doanh nghiệp có tổ chức Đảng;
- Ban CHQS phường;
- Lưu: VT. Đ20.



Trung tá Nguyễn Hoàng Quyền